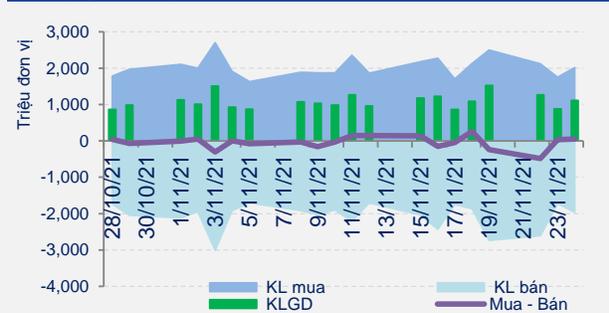


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,488.87	455.58
% Thay đổi	↑ 1.72%	↑ 1.56%
KLGD (CP)	1,116,907,735	128,613,106
GTGD (tỷ đồng)	35,868.43	3,831.01
Tổng cung (CP)	1,963,152,200	168,023,300
Tổng cầu (CP)	2,015,107,300	141,724,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	62,626,308	595,205
KL mua (CP)	36,406,808	348,812
GT mua (tỷ đồng)	1,612.18	14.84
GT bán (tỷ đồng)	2,584.00	20.27
GT ròng (tỷ đồng)	(971.82)	(5.43)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.02%	24.1	3.8	1.6%
Công nghiệp	↑ 0.81%	23.9	3.2	12.4%
Dầu khí	↑ 0.28%	18.8	2.0	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.55%	-	6.0	2.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.49%	17.4	2.5	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.60%	23.2	4.1	7.4%
Ngân hàng	↑ 4.96%	11.9	2.3	34.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.00%	11.5	2.7	12.2%
Tài chính	↑ 0.75%	20.1	3.5	25.9%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.08%	16.6	2.7	1.4%
VN - Index	↑ 1.72%	17.3	2.9	
HNX - Index	↑ 1.56%	24.8	4.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm mạnh trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index tăng 25,24 điểm (+1,72%) lên 1.488,87 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 315 mã tăng, 55 mã tham chiếu, 169 mã giảm. HNX-Index tăng 6,98 điểm (+1,56%) lên 455,58 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 152 mã tăng, 49 mã tham chiếu, 119 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.179 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 36.884 tỷ đồng. Cổ phiếu ngân hàng là tâm điểm trong phiên hôm nay. Đà tăng giá mạnh của các cổ phiếu ngân hàng đã giúp VnIndex đóng cửa ở mức cao mới trong lịch sử. Có đến 6 cổ phiếu ngân hàng đóng cửa trong sắc tím là OCB (+7%), MBB (+6,9%), VIB (+6,9%), SSB (+6,9%), EIB (+6,9%), STB (+6,8%). Các cổ phiếu ngân hàng còn lại đều tăng giá mạnh như ABB (+8%), BVB (+6,9%), MSB (+6,6%), LPB (+6,3%), SGB (+6%), VAB (+5,9%), VCB (+5,8%), TCB (+5,5%), NVB (+5,4%), NAB (+5,4%), HDB (+5,3%), PGB (+5,2%)... Các cổ phiếu vốn hoá lớn thuộc nhóm VN30 (+2,1%) cũng có sự tích cực như VRE (+3,2%), KDH (+3,1%), VHM (+1,5%), VNM (+1,4%), FPT (+1,3%)... giúp cho chỉ số VN30 lập đỉnh lịch sử mới. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng tăng tích cực với hàng loạt mã như SSI (+2,3%), SHS (+2,3%), VCI (+2,9%), VND (+0,9%), HCM (+1,7%)... Ở chiều ngược lại, nhóm thép tiếp tục bị bán và kết phiên trong sắc đỏ với HPG (-1,8%), NKG (-5%), HSG (-2,9%), TLH (-1%), SMC (-1,8%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp, qua đó giúp chỉ số VN-Index và VN30 kết phiên ở mức đỉnh lịch sử mới. Và thanh khoản trong phiên hôm nay cũng có sự cải thiện và cao hơn mức trung bình cho thấy lực cầu mua lên là khá tốt và dòng tiền vẫn đang chảy vào thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang di chuyển trong sóng tăng 5 và mục tiêu gần nhất của chỉ số này là ngưỡng tâm lý 1.500 điểm có thể đạt được trong thời gian tới. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 25/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại hỗ trợ lần lượt là 1.460-1.465 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tận dụng những phiên tăng điểm để chốt lời một phần danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.491,05 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 25,24 điểm (+1,72%) lên 1.488,87 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 5.700 đồng, TCB tăng 2.900 đồng, MBB tăng 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG giảm 900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến hết phiên giúp chỉ số này kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,98 điểm (+1,56%) lên 455,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 5.600 đồng, NVB tăng 1.600 đồng, BAB tăng 800 đồng. Ở chiều ngược lại, IDC giảm 3.200 đồng.

GIAO DỊCH KHÓI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 972,9 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 26,4 triệu đơn vị. VPB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 292,5 tỷ đồng tương ứng với 7,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VCI với 131 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã được mua ròng nhiều nhất với 100,5 tỷ đồng tương ứng với 3,4 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 5,38 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 246 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 6,4 tỷ đồng tương ứng với 184 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NVB với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 100 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 4,4 tỷ đồng tương ứng với 82 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ hai liên tiếp với khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên có sự gia tăng tốt và dòng tiền vẫn đang chảy mạnh vào thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên tăng điểm hôm nay thì chỉ số VN-Index (+1,72%) đang đóng cửa ở mức cao nhất trong lịch sử và điều này tiếp tục củng cố xu hướng tăng của thị trường và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới mà gần nhất là kháng cự tâm lý 1.500 điểm là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.460-1.465 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 25/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất 5 chính sách phục hồi kinh tế - xã hội

Kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng 6% trong năm 2022 và cao hơn trong năm 2023 nếu các chính sách phục hồi kinh tế – xã hội được thực hiện nhanh và hiệu quả, theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



TIN TRONG NƯỚC

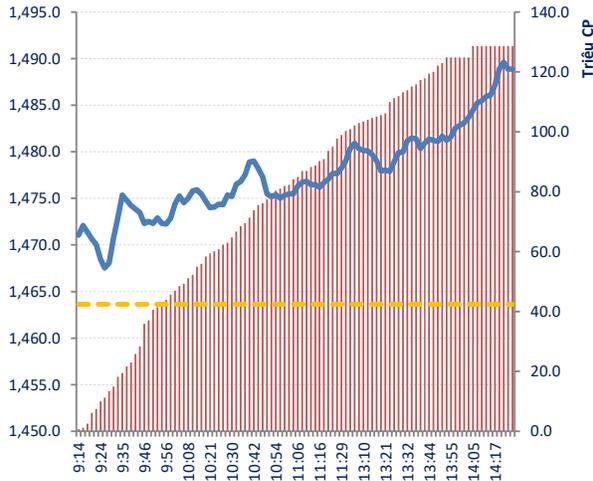
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,4 - 60,2 triệu đồng/lượng, tăng 450.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 350.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 8 đồng	Sáng nay, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm cặp đồng tiền VND/USD được áp dụng trong ngày ở mức 23.141 đồng, tăng 8 đồng so với mức công bố trước.

TIN QUỐC TẾ

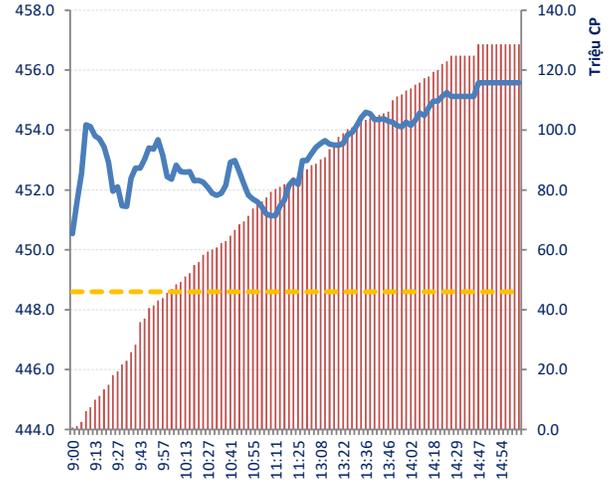
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,55 USD/ounce tương ứng với 0,47% lên 1.792,1 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,076 điểm tương ứng 0,08% lên 96,567 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1233 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3378 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 115,03 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,34 USD/thùng tương ứng với 0,43% lên 78,83 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/11, Dow Jones tăng 194,55 điểm tương đương 0,55% lên 35.813,8 điểm. Nasdaq giảm 79,62 điểm tương đương 0,5% xuống 15.775,14 điểm. Nasdaq Composite tăng 7,76 điểm tương đương 0,17% lên 4.690,7 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

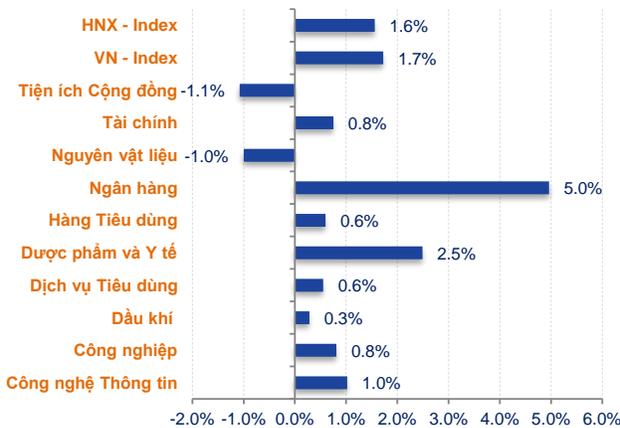
KLGD và VN-Index trong phiên



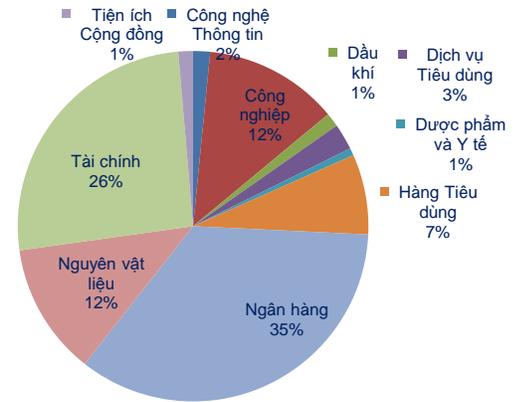
KLGD và HNX-Index trong phiên



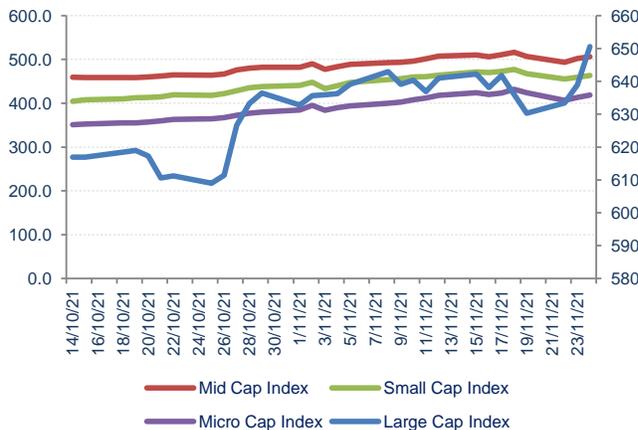
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



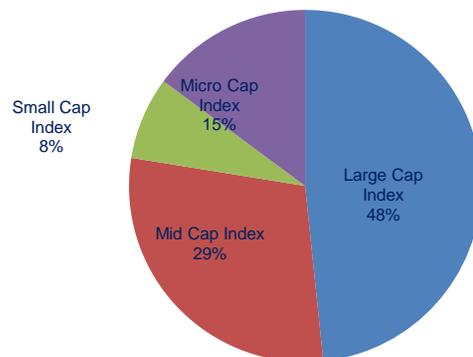
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	3,370,700	VPB	7,911,700
2	CTG	2,676,000	E1VFN30	3,014,900
3	VRE	1,265,000	HPG	2,276,600
4	GMD	643,100	HCM	1,965,400
5	VCB	445,200	SSI	1,759,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	81,980	CEO	183,800
2	NDN	51,000	NVB	100,200
3	APS	24,400	NAG	80,250
4	PSI	15,000	ART	36,000
5	BCC	11,480	DS3	26,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	28.50	30.45	↑ 6.84%	67,504,800
TCB	52.60	55.50	↑ 5.51%	52,375,300
LPB	23.05	24.50	↑ 6.29%	44,928,600
MBB	28.90	30.90	↑ 6.92%	43,004,800
VPB	36.25	37.30	↑ 2.90%	38,582,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HUT	14.80	14.90	↑ 0.68%	17,231,046
SHS	52.00	53.20	↑ 2.31%	11,048,494
IDC	87.30	84.10	↓ -3.67%	6,564,105
KLF	6.00	5.90	↓ -1.67%	5,886,336
PVS	25.80	26.20	↑ 1.55%	5,854,863

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTN	60.00	64.20	4.20	↑ 7.00%
HDG	64.30	68.80	4.50	↑ 7.00%
SGT	29.35	31.40	2.05	↑ 6.98%
KHP	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%
TTF	10.75	11.50	0.75	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
OCH	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
CX8	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
VGS	44.00	48.40	4.40	↑ 10.00%
CEO	32.00	35.20	3.20	↑ 10.00%
DNC	62.20	68.40	6.20	↑ 9.97%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	33.80	31.45	-2.35	↓ -6.95%
PNC	15.20	14.15	-1.05	↓ -6.91%
NAV	30.70	28.60	-2.10	↓ -6.84%
DAT	27.80	25.90	-1.90	↓ -6.83%
LDG	12.55	11.70	-0.85	↓ -6.77%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L40	37.00	33.30	-3.70	↓ -10.00%
V12	17.50	15.80	-1.70	↓ -9.71%
SDU	12.60	11.40	-1.20	↓ -9.52%
ADC	25.60	23.20	-2.40	↓ -9.38%
SDC	12.00	10.90	-1.10	↓ -9.17%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	292.31	21.2%	2,772	13.1	2.6
HPG	185.55	44.7%	7,085	7.0	2.6
SSI	136.83	16.5%	2,059	25.3	3.0
VCI	135.16	24.5%	3,456	21.8	4.7
HCM	91.72	19.2%	2,735	17.0	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-57.42	7.2%	954	31.6	2.2
CTG	-48.21	18.1%	3,439	9.9	1.7
STB	-48.11	11.1%	1,864	15.3	1.6
GMD	-41.12	6.9%	1,554	32.8	2.3
KBC	-35.76	6.0%	1,548	31.0	1.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	4.60	12.0%	2,555	22.3	2.6
STB	3.90	11.1%	1,864	15.3	1.6
BMI	3.60	9.8%	2,028	21.9	1.8
HVN	3.59	-463.6%	(7,599)	-	-
LPB	2.13	17.7%	2,240	10.3	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-77.34	19.2%	2,735	17.0	3.0
ROS	-10.00	3.1%	324	21.1	0.6
PHR	-9.68	21.0%	5,034	13.7	2.9
VIB	-7.88	28.3%	3,665	11.4	2.9
BID	-6.14	12.0%	2,484	18.0	2.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	103.87	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	27.12	18.4%	4,029	12.2	2.1
VIC	23.08	2.9%	1,111	85.4	2.2
FUEVFNVD	23.01	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	19.05	7.2%	954	31.6	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-74.51	44.7%	7,085	7.0	2.6
EIB	-56.69	5.7%	792	34.7	1.9
STB	-52.73	11.1%	1,864	15.3	1.6
TCB	-47.94	21.3%	4,965	10.6	2.1
DGC	-47.07	29.1%	7,717	21.6	5.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	96.95	11.1%	1,864	15.3	1.6
CTG	93.96	18.1%	3,439	9.9	1.7
VCB	46.33	20.4%	5,696	17.4	3.4
VRE	36.82	7.2%	954	31.6	2.2
GMD	32.75	6.9%	1,554	32.8	2.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-292.20	21.2%	2,772	13.1	2.6
VCI	-130.86	24.5%	3,456	21.8	4.7
HPG	-110.92	44.7%	7,085	7.0	2.6
VIC	-101.71	2.9%	1,111	85.4	2.2
SSI	-90.79	16.5%	2,059	25.3	3.0



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	67,504,800	11.1%	1,864	15.3	1.6
TCB	52,375,300	3250.0%	4,965	10.6	2.1
LPB	44,928,600	17.7%	2,240	10.3	1.7
MBB	43,004,800	20.3%	2,943	9.8	1.9
VPB	38,582,100	21.2%	2,772	13.1	2.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	17,231,046	-9.9%	(1,066)	-	1.4
SHS	11,048,494	25.5%	3,233	16.1	2.5
IDC	6,564,105	11.8%	1,805	48.4	5.6
KLF	5,886,336	0.1%	6	987.3	0.6
PVS	5,854,863	4.6%	1,238	20.8	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTN	↑ 7.0%	15.3%	4,709	12.7	2.1
HDG	↑ 7.0%	17.6%	4,942	13.0	2.2
SGT	↑ 7.0%	2.7%	356	82.5	2.2
KHP	↑ 7.0%	59.3%	6,342	2.8	1.5
TTF	↑ 7.0%	0.0%	(94)	-	-

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
OCH	↑ 10.0%	-0.9%	(77)	-	1.1
CX8	↑ 10.0%	-1.7%	(209)	-	0.7
VGS	↑ 10.0%	19.9%	3,703	11.9	2.4
CEO	↑ 10.0%	-4.7%	(606)	-	2.6
DNC	↑ 10.0%	34.6%	4,845	12.8	4.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3,370,700	11.1%	1,864	15.3	1.6
CTG	2,676,000	18.1%	3,439	9.9	1.7
VRE	1,265,000	7.2%	954	31.6	2.2
GMD	643,100	6.9%	1,554	32.8	2.3
VCB	445,200	20.4%	5,696	17.4	3.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	81,980	25.5%	3,233	16.1	2.5
NDN	51,000	28.9%	3,986	5.8	1.6
APS	24,400	22.8%	1,772	30.4	4.8
PSI	15,000	2.9%	300	68.3	1.9
BCC	11,480	7.5%	1,297	19.7	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	367,550	20.4%	5,696	17.4	3.4
VIC	360,734	2.9%	1,111	85.4	2.2
VHM	359,235	38.3%	8,968	9.2	3.0
HPG	221,633	44.7%	7,085	7.0	2.6
GAS	200,199	16.9%	4,384	23.9	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,320	25.2%	4,694	50.1	14.2
IDC	26,190	11.8%	1,805	48.4	5.6
KSF	21,480	8.8%	768	93.2	3.6
VCS	19,456	41.5%	11,163	10.9	4.1
BAB	18,452	8.6%	979	25.0	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.90	2.1%	292	70.3	1.5
FTS	2.66	22.7%	3,582	20.3	4.2
HAI	2.46	0.7%	87	75.5	0.6
DAH	2.45	0.1%	11	968.5	1.1
DIG	2.39	13.1%	1,528	39.9	4.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	2.88	13.6%	1,987	111.7	13.5
PVL	2.84	9.9%	475	33.7	3.1
APS	2.81	22.8%	1,772	30.4	4.8
BTS	2.80	-0.4%	(42)	-	1.1
PSI	2.44	2.9%	300	68.3	1.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
